

Phụ lục 1

QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN Điều tra mẫu số lượng, kết quả sản xuất kinh doanh

I. ĐIỀU TRA MẪU SỐ LƯỢNG

Điều tra số lượng cơ sở SXKD cá thể năm 2018 được thực hiện theo phương pháp điều tra chọn mẫu.

1. Số lượng mẫu điều tra

Mẫu điều tra được chọn đại diện cho cấp huyện, quận theo các tỷ lệ chọn căn cứ số lượng cơ sở SXKD cá thể từ kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017:

- Các quận, huyện có dưới 3000 cơ sở: điều tra 30% số xã/phường;
- Các quận, huyện có từ 3000 đến dưới 7000 cơ sở: điều tra 25% số xã/phường;
- Các quận, huyện có từ 7000 cơ sở trở lên: điều tra 20% số xã/phường.

*Lưu ý: Nhằm đảm bảo tính đại diện của mẫu, Cục Thống kê cần rà soát lại: xã/phường nào không đáp ứng được yêu cầu đại diện của mẫu thì thay bằng xã/phường khác có quy mô tương đương. Xã/phường năm 2018 có sự chia tách, sáp nhập, biến động lớn trước thời điểm 01/10/2018 thì cần điều tra toàn bộ số cơ sở trên địa bàn xã/phường đó, nhưng kết quả điều tra sẽ không tham gia vào suy rộng chung, mà được cộng vào kết quả đã suy rộng từ điều tra mẫu (**phần mềm tự động xử lý trường hợp này**).*

2. Xác định địa bàn điều tra

Mỗi xã/phường/thị trấn được chọn điều tra mẫu số lượng là một địa bàn điều tra. Tại các xã/phường/thị trấn mẫu có chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, tập trung nhiều cơ sở SXKD cá thể thì mỗi khu vực này là một địa bàn điều tra riêng và giao các Ban quản lý những khu vực đó lập danh sách và phối hợp triển khai thu thập thông tin, các khu vực còn lại là một địa bàn điều tra.

3. Quy trình điều tra

Phiếu thu thập thông tin các cơ sở SXKD cá thể được điều tra viên lập tại địa bàn điều tra theo 02 mẫu quy định. Điều tra viên phải nắm chắc địa bàn được phân công, trực tiếp đến từng cơ sở để gặp chủ cơ sở hoặc người quản lý, hỏi và ghi chép vào phiếu theo quy định. Cách đến cơ sở SXKD cá thể phải đảm bảo nguyên tắc thứ tự, lần lượt (hay gọi là nhà liền kề), không bỏ cách quãng, tránh trùng hoặc sót cơ sở trên địa bàn.

4. Xác định đơn vị điều tra

Điều tra viên cần nắm chắc 4 tiêu chí cơ bản của định nghĩa cơ sở SXKD cá thể (đã thực hiện trong Tổng điều tra kinh tế năm 2017) để xác định một cơ sở có thuộc đối tượng điều tra không, đó là:

- Là nơi trực tiếp diễn ra hoạt động SXKD, cung cấp dịch vụ trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản);
- Thuộc sở hữu của một người, một nhóm người hoặc một gia đình, chưa đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp;
- Có địa điểm xác định;
- Thời gian hoạt động thường xuyên, liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ, tập quán kinh doanh (tổng thời gian hoạt động ít nhất là 3 tháng/một năm).

Căn cứ vào 4 tiêu chí trên, trước hết cần quan sát hoặc đưa ra câu hỏi đối với chủ cơ sở để xác định đây có phải là đơn vị điều tra hay không và nếu là đơn vị điều tra thì đưa vào phiếu điều tra.

Lưu ý:

- *Không thực hiện điều tra đối với các cơ sở cá thể hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản.*
- *Phân biệt cơ sở SXKD cá thể với cơ sở SXKD trực thuộc doanh nghiệp (cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm của doanh nghiệp) căn cứ vào biển hiệu và hỏi chủ cơ sở.*

5. Quy ước một số trường hợp đặc thù

5.1. Những trường hợp được quy ước là cơ sở có địa điểm cố định (phiếu 01/CT-SL)

(1) Tại một địa điểm cố định, diễn ra hai hay nhiều hoạt động kinh tế không thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, mỗi hoạt động kinh tế thuộc sở hữu của một hộ gia đình hoặc một chủ sở hữu khác nhau được xác định là một cơ sở thực hiện phiếu điều tra.

(2) Một hoạt động kinh tế thuộc sở hữu của một hộ gia đình hoặc một cá nhân hay một nhóm người nhưng diễn ra tại hai địa điểm cố định trong cùng một xã/phường/thị trấn: *chỉ tính là một cơ sở SXKD cá thể thực hiện phiếu điều tra.*

Ví dụ: Hiệu sửa chữa xe máy của ông A được đặt tại hai địa điểm trên hai phố của một phường, chủ và thợ thường xuyên qua lại giữa hai địa điểm này: *chỉ tính là một cơ sở SXKD cá thể do ông A là chủ cơ sở.*

(3) Một hoạt động kinh tế thuộc sở hữu của một hộ gia đình hoặc một cá nhân hay một nhóm người nhưng diễn ra tại nhiều địa điểm cố định khác xã/phường/thị trấn: *tại mỗi một địa điểm được tính là một cơ sở SXKD cá thể thực hiện phiếu điều tra.*

(4) Một hộ gia đình (hoặc một cá nhân) thực hiện hai hoạt động kinh tế khác nhau, mỗi hoạt động diễn ra ở một địa điểm khác nhau: *được tính là hai cơ sở SXKD cá thể.*

Ví dụ: Hộ gia đình ông A có xưởng sản xuất đồ mộc (đặt tại nhà) và có quán bán đồ ăn sáng tại địa điểm khác, thì được xác định là hai cơ sở cá thể: cơ sở sản xuất đồ mộc và cơ sở kinh doanh hàng ăn uống.

(5) Hai hoạt động kinh tế do một hộ gia đình sở hữu, diễn ra tại một địa điểm, cùng không đăng ký kinh doanh, không tách riêng vốn, chi phí, lỗ, lãi: *chỉ được tính là một cơ sở SXKD cá thể (tính cho ngành chính, có hoạt động thường xuyên, liên tục hơn).*

Ví dụ: Hộ gia đình bà C có hoạt động sửa xe máy, xe đạp (do con trai đảm nhiệm) và có hàng nước chè chén, bánh kẹo (do bà C thực hiện), hai hoạt động này đều diễn ra tại một địa điểm, không tách riêng vốn, chi phí, lỗ, lãi... thì xác định là một cơ sở (một đơn vị điều tra). Nếu con trai bà C tuy ở chung một nhà nhưng có vốn riêng, lỗ lãi riêng và thu nhập riêng từ hoạt động sửa xe máy, thì tại nhà bà C: *xác định hai cơ sở SXKD cá thể.*

(6) Cơ sở SXKD theo mùa/vụ, đến thời điểm điều tra cơ sở này tạm ngừng hoạt động, nhưng vẫn có người quản lý: *xác định là một cơ sở thực hiện phiếu điều tra.* Ví dụ: Cơ sở sản xuất đường từ mía, nhưng đến thời điểm điều tra tạm ngừng do chưa đến mùa/vụ thu hoạch mía, vẫn có người quản lý, thì vẫn xác định là đơn vị cần thực hiện phiếu điều tra (nếu các cơ sở này không có người quản lý thì chỉ lập danh sách trong phiếu 01b/CT-SL).

(7) Hộ gia đình hoặc một tổ/nhóm nhận gia công hàng hóa (đồ mộc, vàng mã, chạm khắc, may mặc...), công việc diễn ra thường xuyên, liên tục, định kỳ: tính là một cơ sở thực hiện phiếu điều tra (*không tính những trường hợp cá nhân trong hộ nhận làm gia công mang tính nhỏ lẻ, không thường xuyên*).

(8) Cơ sở xe ôm, xe lam, xe lôi... có địa điểm cố định ở các bến xe, bến tàu, được tổ chức theo tổ, đội quản lý được xác định là cơ sở kinh doanh có địa điểm cố định.

(9) Kinh doanh tại nhà và tại chợ phiên: một người kinh doanh tại nhà, đồng thời kinh doanh tại chợ phiên (địa điểm chợ phiên là cố định), nếu trên cùng một xã/phường/thị trấn: tính là một cơ sở và ghi địa chỉ cơ sở có thời gian hoạt động nhiều nhất, doanh thu ghi tổng doanh thu của các địa điểm.

Trường hợp một hộ kinh doanh thường xuyên tại chợ phiên ở các xã/phường khác nhau thì tính là các cơ sở khác nhau, tuy nhiên tổng thời gian kinh doanh tại mỗi địa điểm ít nhất phải là 3 tháng.

(10) Một hộ cá thể tự giết mổ gia súc tại nhà, mang ra chợ bán thì chỉ tính là một cơ sở bán thịt gia súc. Nếu hộ thực hiện cả giết mổ thuê tại nhà và bán hàng của mình tại chợ thì tính là hai cơ sở: một cơ sở công nghiệp và một cơ sở thương mại.

- Nếu hộ kinh doanh tại nhiều chợ thuộc các xã/phường khác nhau thì cần áp dụng quy định tổng thời gian hoạt động tại một địa điểm ít nhất 03 tháng để xác định có là đơn vị thực hiện phiếu điều tra hay không.

- Trường hợp cơ sở chủ yếu giết mổ thuê, trong đó chỉ một phần nhỏ tự bán thì tính là hoạt động công nghiệp.

Lưu ý: Quy ước trên được áp dụng tương tự với các hoạt động sản xuất kinh doanh bún, bánh.

(11) Cơ sở kinh doanh có địa điểm ổn định ở trong khuôn viên của các cơ quan, công sở và tại những nơi phải trả phí vào cửa (chụp ảnh; bán hàng, phục vụ ăn uống; sửa chữa xe...) được xác định là các cơ sở SXKD cá thể (ngoại trừ căng tin của cơ quan, do cán bộ nhân viên của cơ quan phục vụ).

(12) Các hợp tác xã vận tải hình thành theo phương thức: xã viên tự góp phương tiện, tự quản lý; sử dụng phương tiện đó để kinh doanh vận tải; và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, HTX chỉ thực hiện chức năng hỗ trợ một số dịch vụ (như dịch vụ pháp lý, quản lý kinh doanh; nộp thuế tập trung...) cho xã viên: *Mỗi xã viên là 1 cơ sở kinh doanh vận tải cá thể thực hiện phiếu điều tra* (HTX được xác định là một doanh nghiệp tập thể và thuộc đối tượng điều tra Phiếu doanh nghiệp).

(13) Cửa hàng kinh doanh của doanh nghiệp nhưng khoán toàn bộ cho một người (một nhóm người) tự kinh doanh, tự chịu trách nhiệm, doanh nghiệp chỉ thu một khoản để đóng bảo hiểm cho cá nhân nhận khoán: *cửa hàng đó được xác định là cơ sở kinh doanh cá thể.*

(14) Nếu trong hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản có thực hiện một số hoạt động kinh tế phi nông nghiệp như: đan, móc, may vá quần áo, hàng sáo, làm nón... tại nhà, hoạt động này **diễn ra thường xuyên, có lao động chuyên nghiệp**: *được xác định là cơ sở SXKD cá thể phi nông nghiệp.*

Ví dụ: Hộ bà A là hộ nông nghiệp, nhưng bà A thường xuyên mua thóc, bán gạo (làm hàng sáo) tại nhà vào các buổi sáng, buổi tối, thì hoạt động hàng sáo (mua thóc, xay xát ra gạo để bán) do bà A thực hiện được xác định là cơ sở điều tra cá thể.

Lưu ý: Không được tính là cơ sở SXKD cá thể đối với những hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản có tranh thủ thời gian nhàn rỗi thực hiện một số hoạt động kinh tế phi nông nghiệp nhưng không thường xuyên (gặp việc gì làm việc đó), không có lao động chuyên nghiệp thì những hoạt động này không được xác định là cơ sở SXKD cá thể phi nông nghiệp, không phải là đơn vị điều tra. Ví dụ: 1 hộ sản xuất nông nghiệp nhưng thỉnh thoảng nấu rượu với mục đích chính là để uống và lấy bông rượu để chăn nuôi; thỉnh thoảng đan vài cái rổ, rá để bán.

5.2. Những trường hợp được quy ước là cơ sở SXKD có địa điểm không cố định (phiếu 01b/CT-SL)

(1) Cơ sở cá thể ngành xây dựng: là đội/tổ/nhóm cá thể (viết gọn là đội xây dựng cá thể) do một người làm đội trưởng (chủ/cai thầu xây dựng) thực hiện nhận thầu và tiến hành xây dựng mới, lắp đặt thiết bị, sửa chữa công trình; được xác định theo tên và địa chỉ thường trú của chủ cơ sở. Số lượng cơ sở tính theo số lượng đội trưởng, không tính theo số lượng công trình mà đội trưởng đang tiến hành xây dựng. Trong trường hợp đội trưởng xây dựng cùng một thời điểm nhận nhiều công trình xây dựng, vẫn chỉ tính là một cơ sở và lập danh sách cơ sở, ghi lao động và không ghi doanh thu vào phiếu 01b/CT-SL.

(2) Các cơ sở có quy mô nhỏ lẻ như cơ sở bán nước chè chén trên vỉa hè, lề đường (không phải cơ sở bán nước giải khát như cà phê, nước quả).

(3) Cá nhân thường xuyên cho người khác thuê nhà để làm cửa hàng sản xuất, kinh doanh, có địa điểm liên hệ chính thức, cố định (kể cả tại nhà).

(4) Cơ sở cá thể kinh doanh tại chợ nổi của một vùng sông nước, hợp cố định, thường xuyên; bán hàng trên xe đẩy tại một đoạn đường phố, một xóm; xay xát lưu động trên các ghe, thuyền thường xuyên tại một khúc sông.

(5) Cá nhân kinh doanh vận tải xe ôm, xe lam, xe lôi thường xuyên tại ngã tư, đầu đường, ngõ, hẻm... có địa điểm liên hệ cố định (kể cả tại nhà) nhưng không thành lập thành tổ, đội nhóm và không có người điều hành quản lý.

(6) Trung tâm môi giới nhà đất, dịch vụ tư vấn nhà đất do một cá nhân hoặc một nhóm người thực hiện, có địa điểm kinh doanh cố định: *được xác định là cơ sở SXKD cá thể.*

6. Phiếu điều tra

- Phiếu điều tra 01/CT-SL: áp dụng cho các cơ sở SXKD cá thể có địa điểm cố định;

- Phiếu điều tra 01b/CT-SL: Áp dụng cho các cơ sở SXKD cá thể có địa điểm không ổn định.

7. Trình tự đi điều tra

- Điều tra viên phải trực tiếp đi tuần tự đến từng cơ sở, gặp chủ cơ sở hoặc người đại diện của chủ cơ sở để hỏi và ghi chép vào phiếu thu thập thông tin theo đúng mẫu biểu quy định;

- Công tác điều tra trong địa bàn theo quy ước thống nhất từ đầu địa bàn đến cuối địa bàn theo hướng từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây tùy theo địa hình từng địa bàn và theo các trục đường thuận tiện cho điều tra viên trong quá trình điều tra. Không ghi theo vần chữ cái (A, B, C,...), không lập tùy tiện;

- Khi đánh số thứ tự cơ sở, người lập phiếu cần lưu ý đánh liên tục từ cơ sở số 1 đến cơ sở cuối cùng;

- Điều tra viên sau khi hoàn thành phiếu phải ký, ghi rõ họ, tên và bàn giao đầy đủ cho giám sát viên cấp huyện để tiếp tục kiểm tra và tiến hành tổng hợp số lượng cơ sở SXKD.

8. Tổng hợp danh sách số lượng đơn vị điều tra

Ủy ban nhân dân cấp xã/phường có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận vào biểu Tổng hợp số lượng cơ sở SXKD cá thể được lập trên địa bàn xã/phường (Biểu 01a/CT-SL) và chuyển cho Chi Cục Thống kê kiểm tra và nhập tin. Dữ liệu sau khi nhập tin được chuyển cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để kiểm tra, làm sạch.

Cục Thống kê thực hiện chọn mẫu căn cứ danh sách phiếu điều tra 01/CT-SL và thông báo danh sách mẫu cho các Chi Cục thống kê cùng phối hợp rà soát khi tiến hành điều tra kết quả SXKD của cơ sở SXKD cá thể thời điểm 01/10/2018.

9. Tổng hợp và suy rộng kết quả điều tra

Kết quả điều tra mẫu số lượng cơ sở SXKD cá thể được tổng hợp bằng phần mềm máy tính theo hệ biểu quy định thống nhất của Tổng cục Thống kê

Kết quả điều tra số lượng được suy rộng theo 2 bước:

Bước 1: Suy rộng số lượng cơ sở SXKD cá thể của từng huyện, quận theo 15 ngành: (1) Công nghiệp khai khoáng; (2) Công nghiệp chế biến, chế tạo; (3) Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; (4) Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; (5) Xây dựng; (6) Bán, sửa chữa ô tô, mô tô xe máy và xe có động cơ khác; (7) Bán buôn hàng hóa; (8) Bán lẻ hàng hóa; (9) Dịch vụ lưu trú; (10) Dịch vụ ăn uống; (11) Vận tải, kho bãi; (12) Thông tin và truyền thông; (13) Y tế; (14) Giáo dục; (15) Dịch vụ khác.

Công thức suy rộng tổng quát như sau:

$$M_{18j} = M_{17j} \times k_j \quad (1)$$

$$k_j = \frac{\sum_{i=1}^n m_{18ij}}{\sum_{i=1}^n m_{17ij}}$$

Trong đó: M_{17j} ; M_{18j} : Số cơ sở cá thể ngành j , năm 2017 và năm 2018;
 m_{17ij} ; m_{18ij} : số cơ sở cá thể địa bàn xã mẫu i , ngành j năm 2017 và năm 2018;

k_j : Tỷ lệ tăng (giảm) số cơ sở cá thể của các xã mẫu, ngành j năm 2018 so với 2017.

Lưu ý: M_{18j} , M_{17j} không bao gồm số cơ sở ở các xã/phường có sự chia tách, sáp nhập, có biến động lớn, đặc thù được điều tra trong năm 2018 đã lưu ý ở trên (kết quả điều tra các xã/phường này không tham gia suy rộng mà được cộng vào kết quả chung của huyện, quận).

Kết quả suy rộng từ các địa bàn xã/phường mẫu theo công thức (1) cộng với kết quả điều tra ở các xã không tham gia vào suy rộng mẫu (xã/phường có biến động lớn, đặc thù...) sẽ được tổng số cơ sở SXKD của huyện, quận.

Bước 2: Suy rộng số cơ sở theo ngành kinh tế chi tiết thuộc phạm vi điều tra

Căn cứ vào tổng số cơ sở SXKD cá thể năm 2018 đã tính được ở **Bước 1** và cơ cấu ngành kinh tế theo kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017 để tính số cơ sở theo ngành kinh tế của năm 2018 theo công thức sau:

$$m_{18ij} = \frac{m_{17ij}}{M_{17j}} \times M_{18j} \quad (2)$$

Trong đó: m_{18ij} ; m_{17ij} : số cơ sở ngành i , huyện, quận j năm 2018 và năm 2017;

M_{18j} ; M_{17j} : Tổng số cơ sở, huyện, quận j năm 2018 và năm 2017.

Lưu ý: Suy rộng theo ngành kinh tế ở cấp độ chi tiết nhất. Cộng kết quả suy rộng ở cấp độ chi tiết nhất sẽ được kết quả suy rộng ở ngành cấp trên.

II. ĐIỀU TRA MẪU KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Điều tra kết quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở SXKD cá thể năm 2018 được thực hiện theo phương pháp điều tra chọn mẫu. Quy trình chọn mẫu như sau:

1. Số lượng mẫu điều tra

1.1. Lập dàn chọn mẫu

Mẫu điều tra kết quả SXKD đại diện cho cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Dàn chọn mẫu cho điều tra kết quả SXKD của các cơ sở cá thể được lập dựa vào kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017 về **số lượng các cơ sở SXKD cá thể có địa điểm cố định** thời điểm 01/7/2017.

Ngành chọn mẫu năm 2018 bao gồm 126 ngành, cụ thể:

- Công nghiệp: 31 ngành;
- Vận tải, kho bãi: 18 ngành;
- Thương nghiệp: 54 ngành;
- Dịch vụ: 23 ngành.

(Các ngành chọn mẫu quy định tại Phụ lục 2 “Danh mục ngành điều tra mẫu”).

1.2. Phân bổ số lượng mẫu điều tra

Mẫu điều tra được phân bổ theo phương pháp tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô tổng thể. Quy trình phân bổ mẫu thực hiện theo hai bước:

1.2.1. Bước 1: Xác định số lượng mẫu của từng tỉnh/TP

Từ kết quả Tổng điều tra kinh tế số lượng cơ sở SXKD cá thể 01/7/2017, tổng hợp số lượng các cơ sở SXKD cá thể có địa điểm kinh doanh cố định thuộc phạm vi điều tra theo từng tỉnh/TP. Tổng số mẫu chung của 63 tỉnh/TP trực thuộc Trung ương được xác định khoảng 3,5% tổng số cơ sở SXKD cá thể thuộc các ngành chọn mẫu. Số lượng mẫu điều tra cho từng tỉnh/TP được tính theo công thức sau:

$$m_i = N \times \frac{\sqrt{M_i}}{\sum_1^{63} \sqrt{M_i}}$$

Trong đó:

- m_i : số lượng mẫu cần điều tra tỉnh/TP i ($i = 1 \div 63$)
- M_i : tổng số cơ sở cá thể tỉnh/TP i ;
- N : cỡ mẫu chung của 63 tỉnh/TP trực thuộc Trung ương.

1.2.2. Bước 2: Phân bổ mẫu cho từng ngành được chọn điều tra

Dựa vào tổng số cơ sở SXKD cá thể từng ngành của từng tỉnh/TP theo kết quả xác định số lượng mẫu ở Bước 1, số lượng mẫu từng ngành thuộc phạm vi điều tra được tính theo công thức sau:

$$m_{ij} = m_i \times \frac{\sqrt{M_{ij}}}{\sum_{j=1; 126} \sqrt{M_{ij}}}$$

Trong đó:

- m_{ij} : cỡ mẫu ngành j của tỉnh/TP i ($j = 1 \div 126$)
- M_{ij} : tổng số cơ sở kinh doanh cá thể ngành j tỉnh/TP i ;
- m_i : cỡ mẫu chung các ngành của tỉnh/TP i .

2. Chọn đơn vị mẫu điều tra

2.1. Lập danh sách cơ sở SXKD cá thể: lập danh sách các cơ sở SXKD cá thể theo từng nhóm ngành thuộc 126 ngành mẫu và xếp theo độ dốc doanh thu.

2.2. Phân tổ các cơ sở SXKD cá thể: số lượng cơ sở SXKD cá thể thuộc mỗi tổ bằng khoảng cách k . Khoảng cách (k) tính theo công thức:

$$\text{Khoảng cách (k)} = \frac{\text{Tổng số cơ sở SXKD của ngành...}}{\text{Số mẫu cơ sở SXKD cần chọn}}$$

2.3. Chọn mẫu

- Tính doanh thu bình quân của tổ đầu tiên bằng tổng doanh thu của các cơ sở thuộc tổ chia cho số cơ sở của tổ. Tổ đầu tiên được xác định là tổ có số thứ tự cơ sở đầu tiên đến cơ sở có số thứ tự bằng khoảng cách tổ (k);

- Cơ sở mẫu đầu tiên được chọn là cơ sở thuộc tổ đầu tiên, có doanh thu bằng hoặc xấp xỉ doanh thu bình quân của tổ;

- Chọn các cơ sở mẫu tiếp theo bằng cách lấy số thứ tự của cơ sở mẫu đầu tiên cộng với số lần khoảng cách k (k ; $2k$; $3k$...). Lấy phần nguyên của phép tính sẽ là số thứ tự của cơ sở được chọn vào mẫu để thực hiện điều tra.

Ví dụ: khoảng cách $k = 4,72$ và cơ sở mẫu đầu tiên được chọn có số thứ tự là 3, thực hiện phép tính: $3 + 4,72 = 7,72$; $3 + 2 \times 4,72 = 12,44$... tiếp tục thực hiện ta có các số tính được là: 7,72; 12,44; 17,16; 21,88; 26,6; 31,32... Như vậy, các cơ sở được chọn vào mẫu là các cơ sở có số thứ tự 3; 7; 12; 17; 21; 26; 31... Quá trình này được thực hiện đến tổ cuối cùng của danh sách.

Cách chọn các cơ sở mẫu được thực hiện cho từng ngành thuộc 126 ngành mẫu. Kết quả chọn mẫu sẽ được lập thành "Danh sách đơn vị thuộc mẫu điều

tra” tính riêng cho từng ngành. Việc chọn mẫu điều tra do các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện bằng chương trình máy tính.

2.4. Xử lý khi thay thế mẫu

Khi điều tra thực tế, cơ sở mẫu đã chọn có thể bị mất, không thể điều tra được thì phải chọn mẫu mới thay thế theo nguyên tắc: chọn cơ sở cùng ngành kinh tế ở cấp ngành tương ứng, có quy mô tương đương theo doanh thu (ưu tiên chọn trên cùng xã/phường với cơ sở mẫu bị mất). Nếu xã/phường đó không có thì thay thế bằng cơ sở có quy mô tương đương ở xã/phường khác.

Danh sách cơ sở mẫu mới được gửi về Tổng cục Thống kê khi kết thúc giai đoạn thu thập thông tin.

3. Tổng hợp kết quả điều tra mẫu và suy rộng

Quá trình tổng hợp, suy rộng được tiến hành tập trung ở cấp tỉnh/TP theo các bước như sau:

3.1. Tính các chỉ tiêu bình quân một cơ sở mẫu theo từng ngành

Tính chỉ tiêu bình quân chung một cơ sở mẫu theo từng ngành: Tổng nguồn vốn, giá trị tài sản, trị giá vốn hàng bán ra, thuế và các khoản phải nộp, số tháng kinh doanh... theo công thức bình quân số học giản đơn:

$$\bar{x}_j = \frac{\sum_{i=1}^n x_{ij}}{n_j}$$

Trong đó:

- \bar{x}_j : Chỉ tiêu điều tra mẫu bình quân của 1 cơ sở mẫu ngành j;
- x_{ij} : Chỉ tiêu điều tra của cơ sở i, ngành j (i = 1, 2, 3 ... n);
- n_j : tổng số đơn vị mẫu điều tra của ngành j.

3.2. Suy rộng kết quả điều tra

Kết quả điều tra của từng chỉ tiêu theo ngành được suy rộng từ chỉ tiêu điều tra chọn mẫu và được tính theo công thức:

$$X_j = \bar{x}_j \times N_j$$

Trong đó:

- X_j : chỉ tiêu suy rộng ngành j;
- \bar{x}_j : chỉ tiêu điều tra mẫu bình quân ngành j;
- N_j : tổng số cơ sở ngành j.

Suy rộng kết quả từ ngành cấp dưới thành ngành cấp trên. Chọn mẫu ở cấp ngành nào thì suy rộng được thực hiện theo cấp ngành đó và quá trình chọn mẫu,

nhập tin, tổng hợp và suy rộng kết quả được thực hiện bằng chương trình máy tính thống nhất cả nước.

Riêng suy rộng chỉ tiêu khối lượng sản phẩm công nghiệp được thực hiện như sau:

- ***Tính chỉ số tăng trưởng từng loại sản phẩm công nghiệp:***

Sử dụng số liệu từ phiếu điều tra (cột sản phẩm sản xuất năm 2017 và năm 2018 = sản xuất 9 tháng + dự tính 3 tháng) theo công thức:

$$\text{Chỉ số tăng trưởng sản phẩm A năm } 2018/2017 = \frac{\text{Tổng khối lượng sản phẩm A năm 2018}}{\text{Tổng khối lượng sản phẩm A năm 2017}}$$

- ***Suy rộng khối lượng của từng sản phẩm công nghiệp như sau:***

$$\text{Khối lượng sản phẩm A năm 2018} = \text{Chỉ số tăng trưởng sản phẩm A năm } 2018/2017 \times \text{Khối lượng sản phẩm A năm 2017}$$

Lưu ý:

- *Khối lượng từng loại sản phẩm công nghiệp năm 2017 đã có sẵn trong báo cáo chính thức hàng năm của từng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương;*

- *Suy rộng chỉ tiêu sản phẩm của toàn tỉnh/TP dựa vào kết quả điều tra mẫu sản phẩm của toàn tỉnh/TP trực thuộc Trung ương;*

- *Chương trình nhập tin và tổng hợp do trung ương xây dựng chỉ tính và cung cấp cho các tỉnh/TP chỉ số tăng trưởng của từng sản phẩm công nghiệp. Sau đó, các tỉnh/TP chủ động suy rộng kết quả cho từng sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh/TP theo công thức nêu trên./.*